TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 18-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Đại

Ông Phạm Duy Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ xếp dỡ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2019/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Bà Cao Mai L; chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 50/UQ-CHD ngày 08/01/2019); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hải Phong; địa chỉ: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2016, Công ty Cổ phần Cảng H (gọi tắt là Công ty Cảng Hải Phòng) và Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H (gọi tắt là Công ty Nguyên H) có ký hợp đồng số 0170.16/VP/HDN về các dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hoá xuất nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng năm 2016. Ngày 18/01/2016, Công ty Cổ phần Cảng H ban hành quyết định số 140/QĐ-CHP về việc thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D (gọi tắt là Công ty Cảng Hoàng D) thuộc Công ty Cổ phần Cảng H.

Ngày 01/02/2016, Công ty Cảng H, Công ty Cảng Hoàng D và Công ty Nguyên H có ký hợp đồng số 0170.16/VP/HDN ngày 04/01/2016 và phụ lục hợp đồng số 01/0170.16/VP/PLHĐ ngày 01/02/2016. Theo đó, năm 2016, Công ty Cảng Hoàng D đã tiến hành cung cấp các dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hoá cho Công ty Nguyên H theo hợp đồng đã ký. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Nguyên H còn nợ Công ty Cảng Hoàng D số tiền gốc là 98.158.580 đồng.

Ngày 27/9/2017, Công ty Nguyên H ký xác nhận nợ Công ty Cảng Hoàng D và cam kết thanh toán vào các tháng 10, 11, 12 năm 2017. Do không thực hiện theo thỏa thuận được, nên ngày 31/12/2017, Công ty Nguyên H tiếp tục ký biên bản xác nhận nợ Công ty Cảng Hoàng D số tiền là 98.158.580 đồng. Sau đó, Công ty Nguyên H đã trả được cho Công ty Cảng Hoàng D số tiền 5.000.000 đồng, và còn nợ 93.158.580 đồng. Từ năm 2017 đến nay, Công ty Cảng Hoàng D đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng Công ty Nguyên H vẫn không thanh toán khoản tiền nợ trên.

Vì vậy, Công ty Cảng Hoàng D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Nguyên H phải trả cho Công ty Cảng Hoàng D số tiền nợ tính đến ngày 31/12/2018 theo Hợp đồng số 0170.16/VP/HDN ngày 04/01/2016 và phụ lục hợp đồng số 01/0170.16/VP/PLHĐ ngày 01/02/2016 là 106.200.781 (một trăm linh sáu triệu, hai trăm nghìn, bảy trăm tám mươi mốt) đồng. Trong đó:

- Tiền nợ gốc: 93.158.580 đồng theo các (06) hóa đơn số 0006797 ngày 30/11/2016, số 0006799 ngày 30/11/2016, số 0006885 ngày 30/11/2016, số 0006959 ngày 30/11/2016, số 0007256 ngày 20/12/2016, số 0007276 ngày 21/12/2016;

- Tiền nợ lãi từ tháng 01 năm 2017 đến ngày 31/12/2018 là: 13.042.201 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty Nguyên H. Nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Nguyên H không hợp tác, không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, nên Tòa án không ghi được lời khai của Công ty Nguyên H và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 93.158.580 đồng theo Hợp đồng các bên đã ký; và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 13.042.201 đồng theo đơn đề nghị trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ trình tự thủ tục, bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 116, 117, 274, 275, 280, 514, 515, 517, 518, 519 của Bộ luật Dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 93.158.580 đồng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ lãi 13.042.201 đồng; bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng Hợp đồng xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hóa nhập/xuất qua Cảng Hải Phòng giữa Công ty Cảng Hải Phòng và Công ty Nguyên H. Bị đơn có trụ sở tại đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng khác cho bị đơn với lý do bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ trên. Như vậy, bị đơn thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không báo, không công bố công khai địa chỉ trụ sở với nguyên đơn và Tòa án biết để liên lạc. Do đó, bị đơn thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 79; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[3] Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng thụ lý vụ án. Ngày 15 tháng 3 năm 2019, Tòa án ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, kể từ ngày 18/3/2019. Ngày 05 tháng 4 năm 2019, Tòa án ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Đến ngày 06 tháng 5 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[4] Nguyên đơn Công ty Cảng Hoàng D có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2019/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 nhưng bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

[6] Hợp đồng xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hóa nhập/xuất qua Cảng Hải Phòng số 0170.16/VP/HDN ngày 04 tháng 01 năm 2016 về các dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hoá xuất nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng được ký giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng là hợp pháp theo quy định tại các điều 116, 117, 514, 515, 517, 518 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc:

[7] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng cũng như các công việc phát sinh theo cam kết cho bị đơn; nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 31/12/2017 là 98.158.580 đồng được thể hiện tại Biên bản xác nhận nợ số 2537 ngày 31/12/2017. Ngày 06/4/2018, bị đơn đã thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng. Các tài liệu thể hiện theo dõi công nợ do nguyên đơn xuất trình, bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 18/6/2019 là 93.158.580 đồng kèm theo 06 hóa đơn chi tiết là có cơ sở. Như vậy, việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H phải trả khoản tiền nợ gốc 93.158.580 đồng theo hợp đồng các bên đã giao kết là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các điều 274, 275, 280, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền nợ lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc:

[8] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền nợ lãi 13.042.201 đồng. Hội đồng xét xử xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi 13.042.201 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng số 0170.16/VP/HDN ngày 04/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/0170.16/VP/PLHĐ ngày 01/02/2016 là 93.158.580 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc với số tiền là 13.042.201 đồng.

+ Về án phí:

[10] Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Công ty Nguyên H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.657.929 đồng (bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm hai chín) đồng. Trả lại cho Công ty Cảng Hoàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.560.000 (hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015506 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về quyền kháng cáo:

[11] Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 274, 275, 280, 514, 515, 517, 518, 519 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D:

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D theo Hợp đồng số 0170.16/VP/HDN ngày 04/01/2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/0170.16/VP/PLHĐ ngày 01/02/2016 số tiền nợ gốc là 93.158.580 (chín mươi ba triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi) đồng .

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D về việc buộc Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc từ tháng 01 năm 2017 đến ngày 18/6/2019 là 13.042.201 (mười ba triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm linh một) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%

(mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.657.929 (bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm hai chín) đồng.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.560.000 (hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015506 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Hoàng D; Công ty Cổ phần Thương mại và xuất nhập khẩu Nguyên H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng